

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày /01/2024 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>10.625.950</b>	<b>14.085.536</b>	<b>133%</b>	<b>118%</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>2.450.000</b>	<b>2.241.979</b>	<b>92%</b>	<b>101%</b>
1	Thu nội địa	2.370.000	2.174.361	92%	101%
2	Thu từ dầu thô	-	-		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	80.000	55.985	70%	120%
4	Thu viện trợ	-	-		
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>3.393.692</b>		
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>10.625.950</b>	<b>10.339.052</b>	<b>97%</b>	<b>116%</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>7.104.402</b>	<b>6.471.892</b>	<b>91%</b>	<b>105%</b>
1	Chi đầu tư phát triển	901.827	567.987	63%	90%
2	Chi thường xuyên	5.822.162	5.902.490	101%	107%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	450	415	92%	124%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	100%	100%
5	Dự phòng ngân sách	172.211			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>3.518.748</b>	<b>3.273.632</b>	<b>93%</b>	<b>125%</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>				
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>	<b>2.800</b>	<b>2.778</b>	<b>0%</b>	<b>95%</b>